

3 vỉ x 10 viên

Rx - Thuốc bán theo đơn **GMP**
WHO

Mifexton
Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500 mg



Mifexton

500

Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500 mg



BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 22/06/2017

Mp MEDIPLANTEX 3 vỉ x 10 viên nén bao phim

Mifexton

Thành phần: Mỗi viên chứa Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500 mg
Tà dược:vừa đủ 1 viên nén bao phim

Chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng và các thông tin khác:
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.


Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
Để xa tầm tay của trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
358 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
SX tại NMDP số 2: Trung Hậu, Tiến Phong, Mê Linh, Hà Nội

Tiêu chuẩn: TCCS

Rx - Prescription drug **GMP**
WHO


Mifexton
Citicoline (as Citicoline natri) 500 mg




Mifexton

500

Citicoline (as Citicoline sodium) 500 mg



Mifexton
Citicoline (as Citicoline natri) 500 mg



Mp MEDIPLANTEX 3 blister x 10 film-coated tablets

Mifexton

Composition: Each tablet contains Citicoline (as Citicoline sodium) 500 mg
Excipients:q.s.f 1 film-coated tablet

Indications, contra-indications, administration, dosage and other information:
See the leaflet enclosed

Storage:
Stored in a dry place, protected from light, below 30°C
SDK/Reg.No:

Số lô SX/ Lot:
Ngày SX/ Mfd:
Hạn dùng/ Exp:

Specification: Manufacturer's

Hà nội, ngày 12 tháng 10 năm 2015


 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 ĐS. Hà Luân Sơn

Rx - Thuốc bán theo đơn GMP WHO

Mifexon 500

Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500 mg

Mifexon

500

Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 500 mg





2 vỉ x 10 viên nén bao phim

Mifexon

Thành phần: Mỗi viên chứa
 Citicolin (dưới dạng Citicolin natri).....500 mg
 Tá dược:.....vừa đủ 1 viên nén bao phim

Chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng và các thông tin khác:
 Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C
Để xa tầm tay của trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
 358 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
 SX tại NMDP số 2: Trung Hậu, Tiến Phong, Mê Linh, Hà Nội

Tiêu chuẩn: TCCS

Rx - Prescription drug GMP WHO

Mifexon 500

Citicoline (as Citicoline natri) 500 mg

Mifexon

500

Citicoline (as Citicoline sodium) 500 mg





2 blister x 10 film-coated tablets

Mifexon

Composition: Each tablet contains
 Citicoline (as Citicoline sodium).....500 mg
 Excipients.....q.s.f 1 film-coated tablet

Indications, contra-indications, administration, dosage and other information:
 See the leaflet enclosed

Storage:
 Stored in a dry place, protected from light, below 30°C
SDK/Reg.No:.....

Số lô SX/ Lot:
 Ngày SX/ Mfd:
 Hạn dùng/ Exp:

Specification: Manufacturer's



Hà nội, ngày 12 tháng 10 năm 2015



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 DS. Hà Luân Sơn

MIFEXTON

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ
Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

Dạng bào chế: Viên nén bao phim

Thành phần: Mỗi viên chứa:

Dược chất: Citicolin 500,0 mg
(Dưới dạng Citicolin natri)

Tá dược: Microcrystalline cellulose, PVP K30, croscarmellose natri, magnesi stearat, eerosil, Eudragit E100, HPMC E606, PEG 6000, titan dioxit, talc vừa đủ 1 viên.

Dược lực học

- Citicolin là chất trung gian trong quá trình sinh tổng hợp các phospholipid của màng tế bào thần kinh. Citicolin làm tăng cường sự lưu thông máu và sử dụng oxy của não

Dược động học

- Citicolin được hấp thu nhanh chóng qua đường uống, sinh khả dụng khoảng 90%. Nó được chuyển hóa qua thành ruột và qua gan. Ở thành ruột Citicolin được phân hủy thành cholin và cytidin. Sau khi hấp thu, cholin và cytidin được phân tán khắp cơ thể, qua hàng rào máu não, tái tổng hợp thành citicolin ở não. Citicolin được thải trừ qua đường hô hấp và nước tiểu. Thời gian bán hủy qua đường hô hấp là 56 giờ và qua nước tiểu là 71 giờ

Chỉ định

- Bệnh não cấp tính: Tai biến mạch máu não cấp tính hoặc bán cấp (bao gồm thiếu năng tuần hoàn não, nhũn não, xuất huyết não), chấn thương sọ não
- Bệnh não mạn tính: sa sút trí tuệ, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não
- Điều trị Parkinson (kết hợp với Levodopa hoặc dùng đơn độc)

Liều lượng và cách dùng

- Người lớn: Uống 1 – 2 viên/ngày

Chống chỉ định

- Mẫn cảm hoặc với các thành phần của thuốc
- Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

Thận trọng

- Dùng thận trọng khi bị xuất huyết nội sọ kéo dài

Tác dụng không mong muốn

- Có thể bị hạ huyết áp, tức ngực, mệt mỏi, mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, đau bụng, ỉa chảy...

Thông báo cho thầy thuốc tác dụng không mong muốn gặp phải trong khi sử dụng thuốc

Thời kì có thai và đang cho con bú

- Chưa có dữ liệu về nghiên cứu về việc sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai và cho con bú. Chỉ sử dụng thuốc theo chỉ định của bác sĩ

Người lái xe và vận hành máy móc: Dùng thận trọng

Tương tác thuốc

- Thuốc làm tăng tác dụng của Levodopa
- Tránh dùng cùng với Meclofenoxat, Centrofenoxin

Quá liều và xử trí: Chưa có báo cáo

Qui cách đóng gói:

- Hộp 2 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/nhôm
- Hộp 3 vỉ x 10 viên, vỉ nhôm/nhôm

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.



Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS

Nhà sản xuất: Công ty CP Dược TW MEDIPLANTEX

Trụ sở: 358 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 0243 668 6111 Fax: 0243 864 1584

Sản xuất tại: Nhà máy Dược phẩm số 2, Trung Hậu, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐS. Hà Luân Sơn



**TUQ. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG**

Lỗ Minh Hùng

